

| | | | |
|------------|------------|---------|---------|
| Ngày | 21,100 VNĐ | | |
| 31/03/2024 | | | |
| Thay đổi | 1 tháng | 3 tháng | 6 tháng |
| | -0.9% | -1.4% | -8.3% |

| | |
|-----------------------|-----------------|
| Sàn giao dịch | HNX |
| Khoảng giá 52 tuần | 20,300 - 25,969 |
| Vốn hóa (tỷ VNĐ) | 510 |
| Số lượng CPLH (CP) | 24,168,711 |
| KLGD BQ 20 phiên (CP) | 87,385 |
| Sở hữu nước ngoài | 0.4% |
| Beta | 0.22 |
| EPS | 3,829 |
| P/E | 5.5 |

DT thuần

Q1/24

165

tỷ VNĐ

QoQ: ▼102| -38.1%

YoY: ▲ 24.0| 17.3%

LN trước thuế

Q1/24

35.8

tỷ VNĐ

QoQ: ▼2.50| -6.6%

YoY: ▲ 17.6| 96.5%

LN sau thuế

Q1/24

33.1

tỷ VNĐ

QoQ: ▼1.30| -3.7%

YoY: ▲ 17.1| 107%

ROA

2023

4.0%

+/- YoY: ▲ 1.4%

DT thuần

2023

696

tỷ VNĐ

YoY: ▼211| -23.3%

LN trước thuế

2023

98.6

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 12.4| 14.4%

LN sau thuế

2023

89.0

tỷ VNĐ

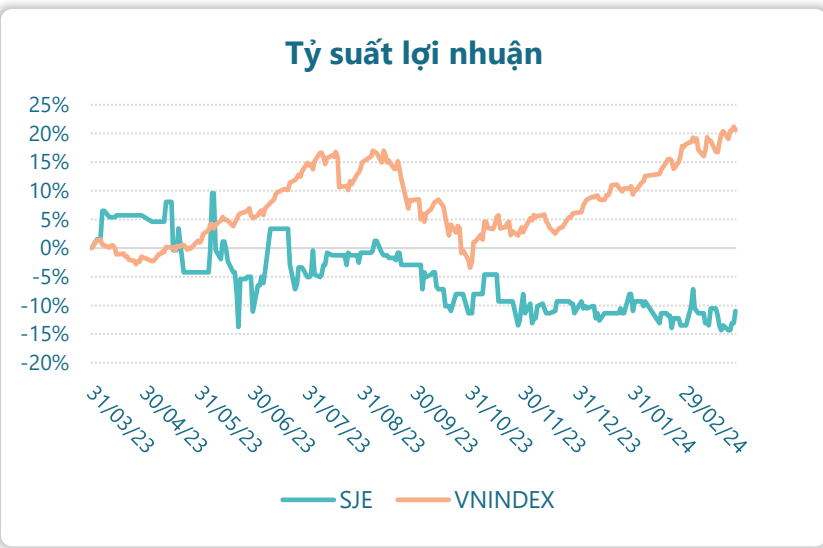
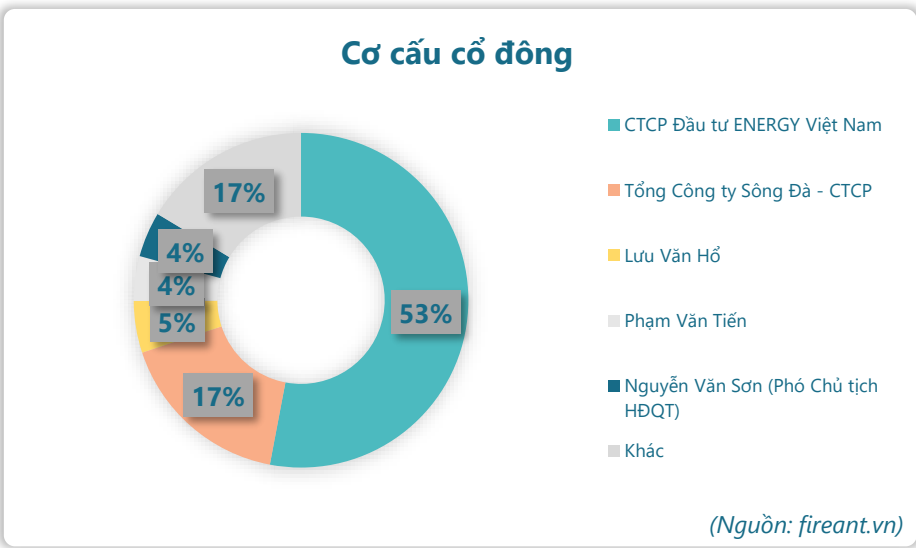
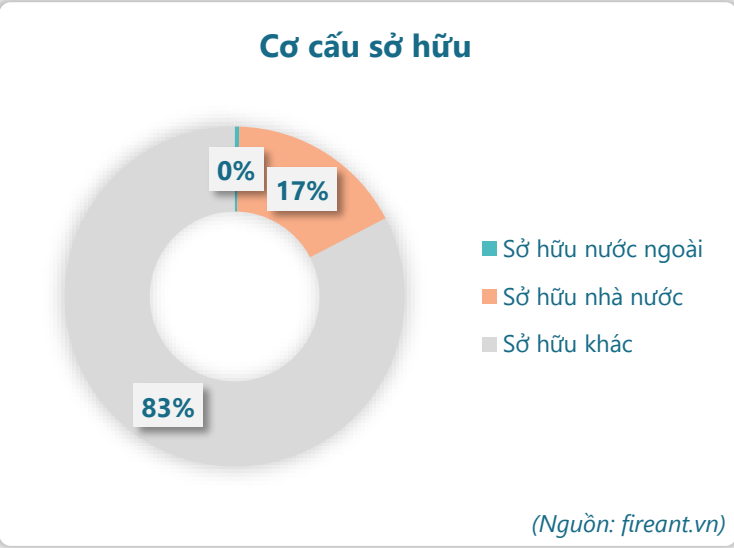
YoY: ▲ 17.5| 24.5%

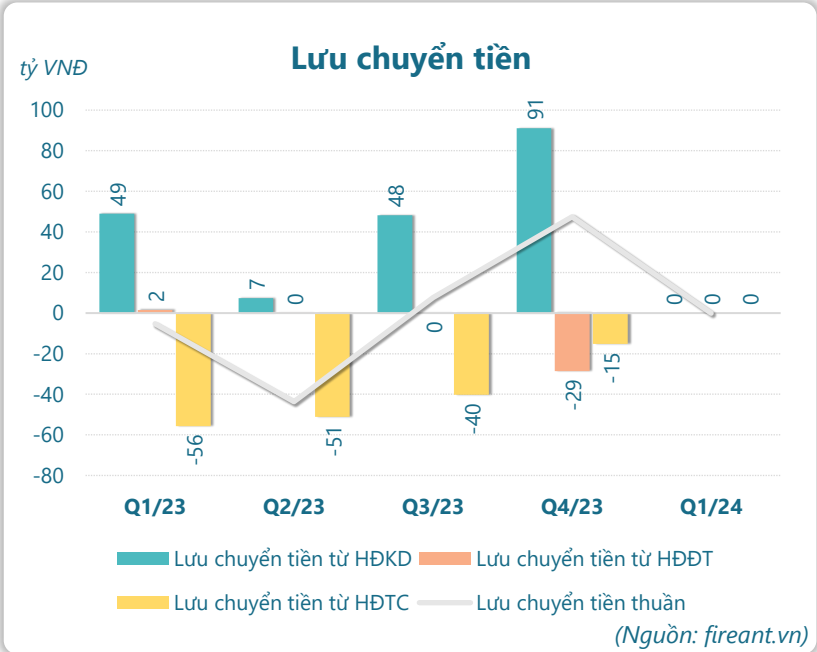
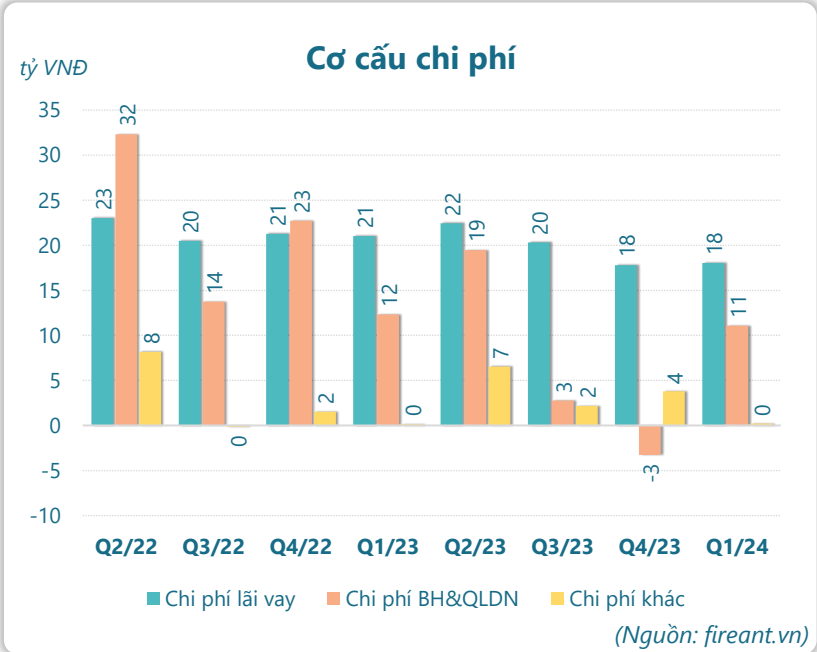
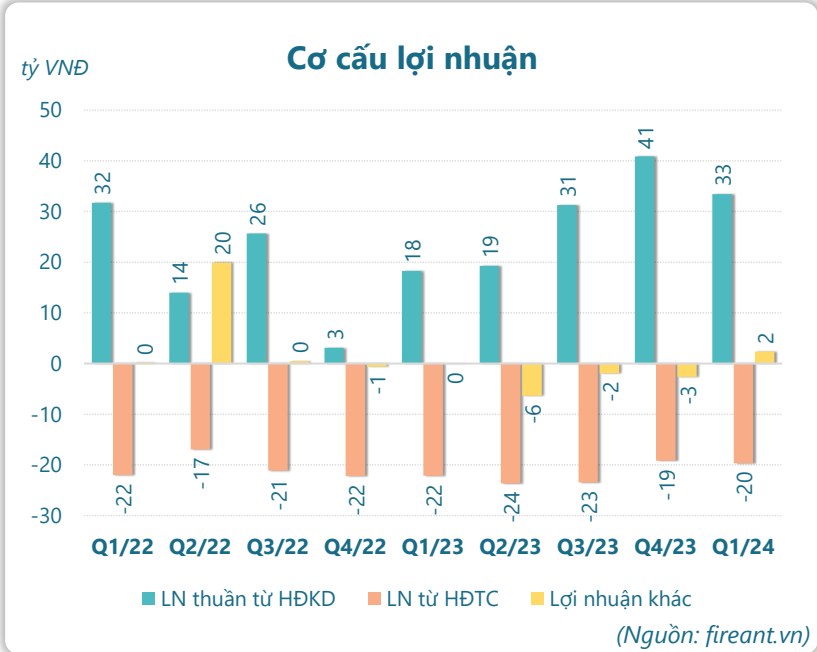
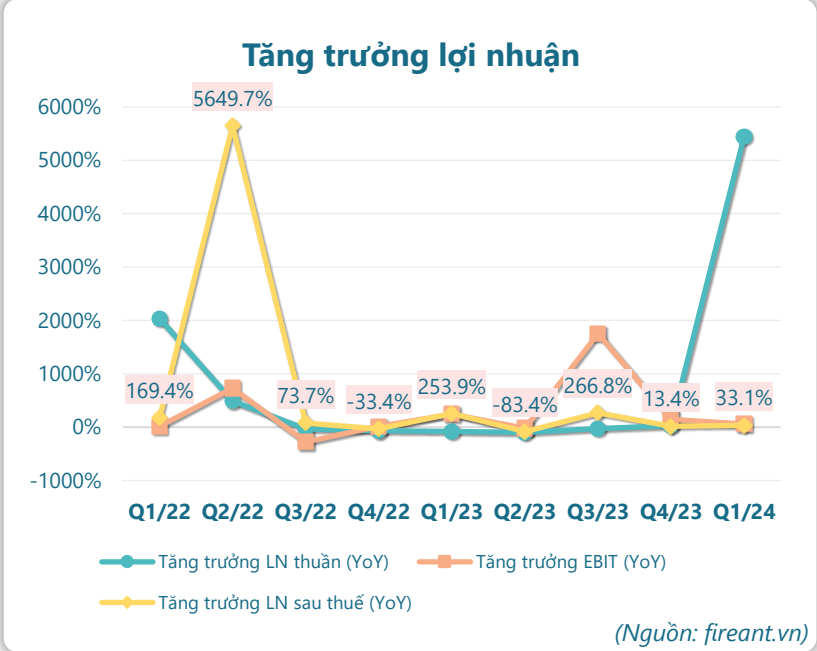
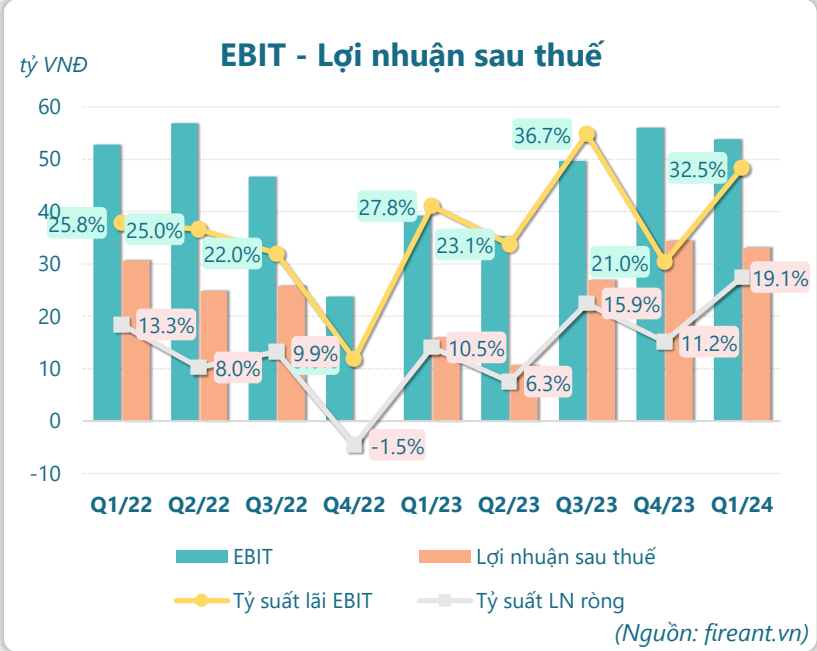
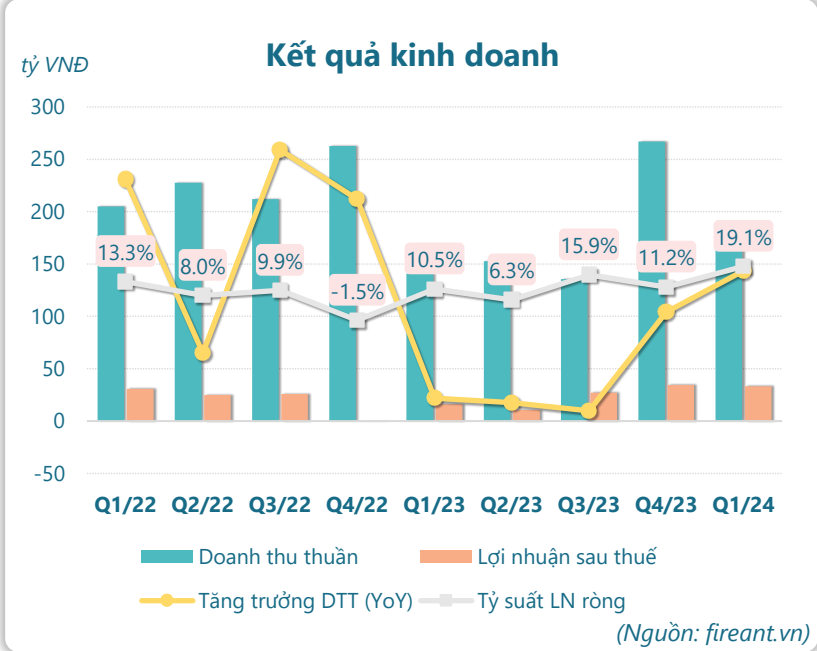
ROE

2023

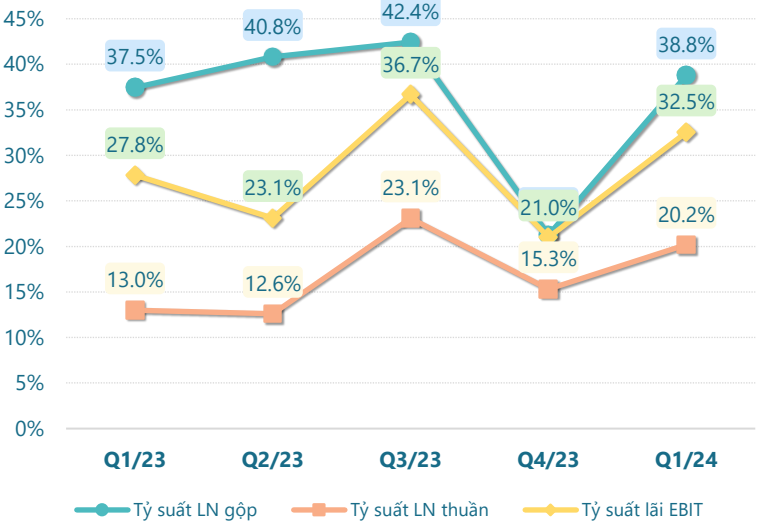
10.7%

+/- YoY: ▲ 2.7%



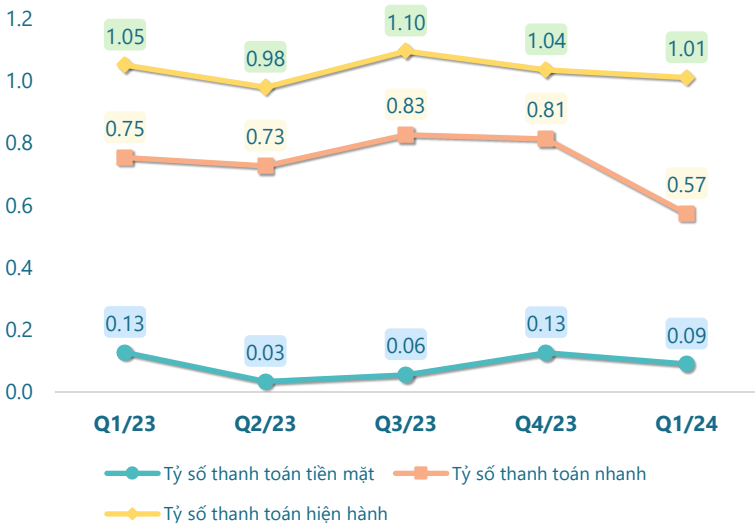


Tỷ suất lợi nhuận



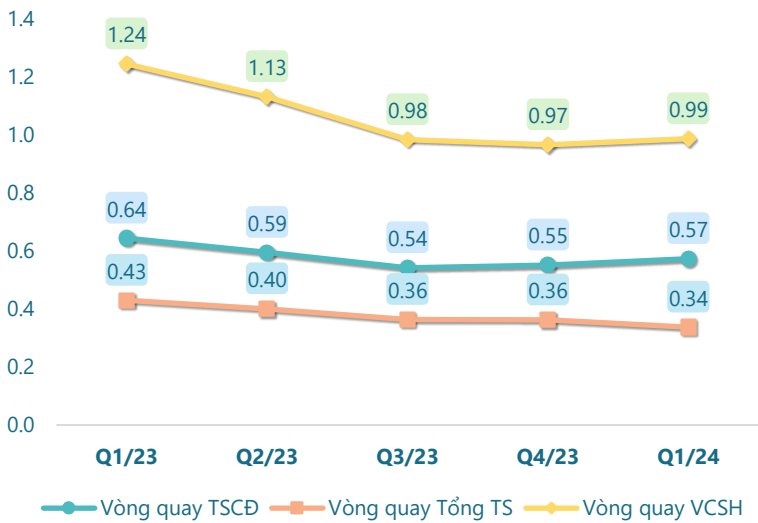
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



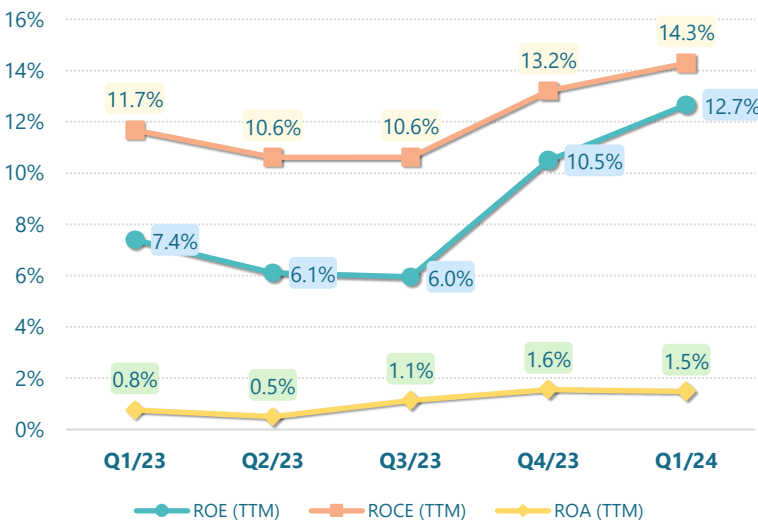
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



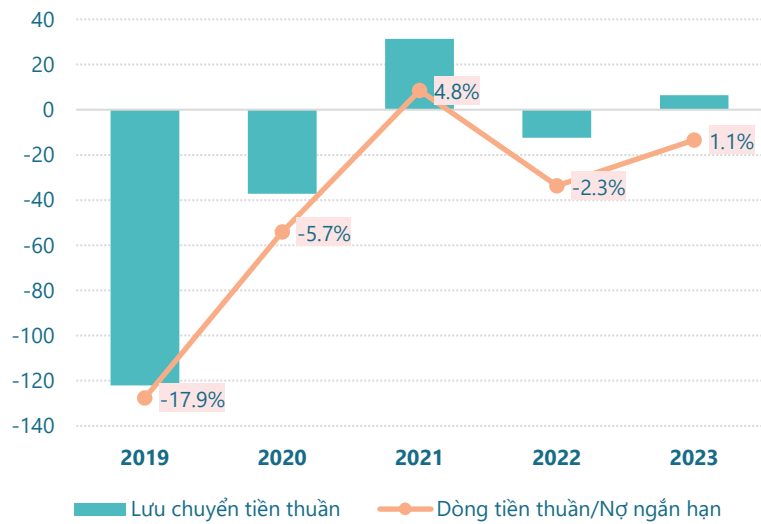
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



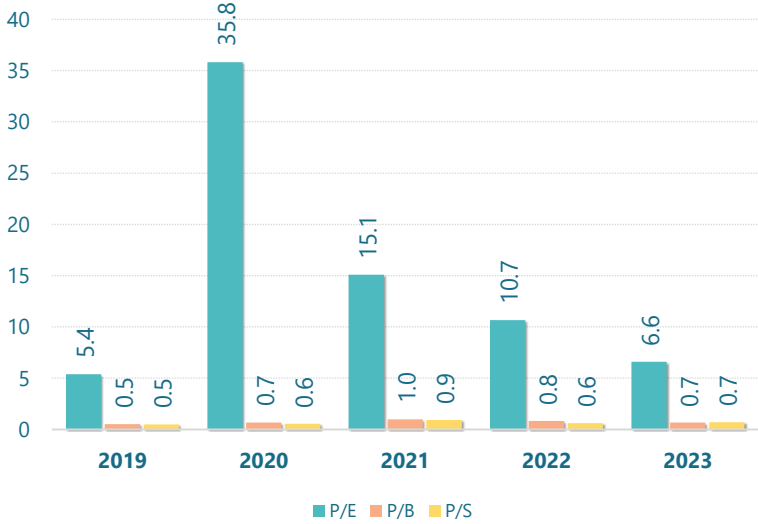
(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

Nhóm chỉ số định giá



(Nguồn: fireant.vn)